TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **18**/2019/QĐST-VHNGĐ	*C, ngày 21 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Căn cứ khoản 7 Điều 27; Điều 212, 416, 417 và khoản 8 Điều 419 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 62**/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2019** về việc: "*Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự***:**

- Bà **Trần Thị T**; sinh năm: 1970. Địa chỉ: Số 380B, khu vực M, phường TT, quận C, thành phố Cần Thơ.
- Ông **Nguyễn An N;** sinh năm: 1971. Địa chỉ: Số 380B, khu vực M, phường TT, quận C, thành phố Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn An N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 22/9/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cả hai ông bà đều thừa nhận quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và thống nhất ly hôn. Sự thỏa thuận của bà T và ông N là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có, nên không giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có. Nếu sau này có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn An N cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có con chung nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ: không có. Nếu sau này có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. **Về lệ phí Tòa án**: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn An N mỗi người chịu **150.000đ** (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà T và ông N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ theo biên lai số 007134 và biên lai số 007133 ngày 06/3/2019. Bà T và ông N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ (để báo cáo);
- VKSND Q. C (để kiểm tra);
- Chi cục T.H.A DS Q. C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS – QĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy Trang